

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày: 03 – 11 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2022/TLST – DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2022/QĐXX – ST ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Bị đơn:

- Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1986

- Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã E, huyện G, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Trước đây bà Phạm Thị T thường hay bán hạt điều nhân cho vợ chồng ông Đỗ Văn K, bà Nguyễn Thị Hồng Th nhiều lần nhưng vợ chồng bà Th, ông K đều thanh toán đầy đủ tiền hàng cho bà T. Đến tháng 12/2020, ông K, bà Th nói chưa có

tiền và xin mua hạt điều nhân thiếu. Vì tin tưởng vợ chồng ông K, bà Th nên bà T đồng ý và đã bán thiếu hạt điều nhân cho ông K, bà Th nhiều lần. Đến ngày 24/12/2021, hai bên chốt số tiền nợ mua nhân điều của ông K, bà Th từ tháng 12/2020 cho đến ngày 24/12/2021 là 71.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/12/2021 bà Th sẽ trả bà T trước số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền còn lại hẹn đến tháng 4/2022 sẽ trả hết cho bà T và trả lãi 2%/tháng với số tiền còn lại. Thỏa thuận này được ghi giấy tay do bà Th viết và ký nhận.

Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2021 vợ chồng bà Th không trả tiền cho bà T như đã thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần gặp và liên lạc qua điện thoại để yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà Th vẫn không trả. Từ đó cho đến nay ông K, bà Th vẫn chưa trả cho bà T khoản tiền nào.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông K, bà Th phải trả cho bà T số tiền nợ từ việc mua hạt điều nhân là 71.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 01/2022 cho đến thời điểm tòa án xét xử với mức lãi suất 1%/tháng.

Bà T bán thiếu điều nhân cho ông K, bà Th thì chồng bà T là ông Trần Văn Dương có biết nhưng việc kinh doanh hạt điều là do bà T tự làm, chồng bà T chỉ làm rầy nên không có liên quan gì về đến việc này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Đỗ Văn K trình bày:

Vợ chồng bà Th và ông K có quan hệ mua bán hạt điều nhân với bà Phạm Thị T nhiều lần. Vào cuối năm 2020 vợ chồng ông K, bà Th có mua của bà T hạt điều nhân với số tiền 70.000.000 đồng và xin được nợ khoản tiền này đến cuối năm 2021 trả. Tới hạn vẫn không có tiền trả nên ngày 24/12/2021, vợ chồng ông K, chị Thúy viết giấy hẹn nợ xác nhận nợ bà T số tiền 71.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng tiền lãi, mức lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, cho đến vợ chồng ông K vẫn chưa trả số tiền này cho bà T nên nay bà T khởi kiện yêu cầu phải trả số tiền 71.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng tính tới thời điểm khởi kiện là 2.800.000 đồng thì ông K, bà Th đồng ý nhưng xin được trả dần 1.5000.000 đồng/tháng, đồng thời nếu bà T đồng ý thì xin bà T miễn khoản tiền lãi. Ngoài ra, bà T, ông K không còn có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ từ việc mua thiếu hạt điều nhân là 71.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Đỗ Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn Thống Nhất, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để yêu cầu bà Th, ông K phải trả lại số tiền nợ từ việc mua bán hạt điều nhân và lãi suất chậm

trả. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th, ông Đỗ Văn K. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà T, ông K, bà Th đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của nguyên đơn vào cuối năm 2020 vợ chồng ông K, bà Th có nợ bà T tiền mua hạt điều nhân là 71.000.000 đồng, hạn đến cuối năm 2021 trả. Đến hạn vẫn không có tiền trả nên ngày 24/12/2021, bà Th đã viết giấy hạn nợ số tiền 71.000.000 đồng, tới ngày 30/12/2021 sẽ trả trước số tiền 35.000.000 đồng, số còn lại hạn tới tháng 4/2022 trả với mức lãi suất là 2%/tháng. Ông K, bà Th thừa nhận có nợ tiền hạt điều nhân và viết giấy nhận nợ như lời bà T trình bày nhưng cho rằng trong số tiền 71.000.000 đồng có 1.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận số tiền 1.000.000 đồng là tiền lãi; tại giấy hạn nợ ngày 24/12/2021 cũng chỉ thể hiện nội dung bà Th nhận nợ số tiền 71.000.000 đồng, không thể hiện khoản tiền lãi. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 71.000.000 đồng ông K, bà Th nợ bà T khoản tiền nợ gốc nên việc bà T khởi kiện buộc bà Th, ông K trả cho bà T số tiền 71.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với lãi suất chậm trả: Theo quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên mua phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho bên bán với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với thời gian tính lãi suất và tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 01/2022 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên lãi được tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 03/11/2022 (10 tháng 02 ngày) với số tiền: $(71.000.000 \text{ đồng} \times 1\%) \times 10 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 7.147.000 \text{ đồng}$.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 71.000.000 đồng và tiền lãi là 7.147.000 đồng, tổng cộng là 78.147.000 đồng.

[7] Phía bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền này cho nguyên đơn, tuy nhiên không được phía nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 78.147.000 đồng trong một lần.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T không phải chịu, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000403 ngày 29/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Ông K, bà Th phải chịu 3.907.350 đồng.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các điều 357, 430, 431, 433, 440, 468 của Bộ luật dân sự;
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Th, ông Đỗ Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc 71.000.000đồng (Bảy mươi một triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 7.147.000 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), tổng là 78.147.000 đồng (Bảy mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T không phải chịu, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.845.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000403 ngày 29/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Ông Đỗ Văn K, bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 3.907.350 đồng (Ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào